

項目	DATE	
init	2011/09/27	
a	2011/01/16	對應

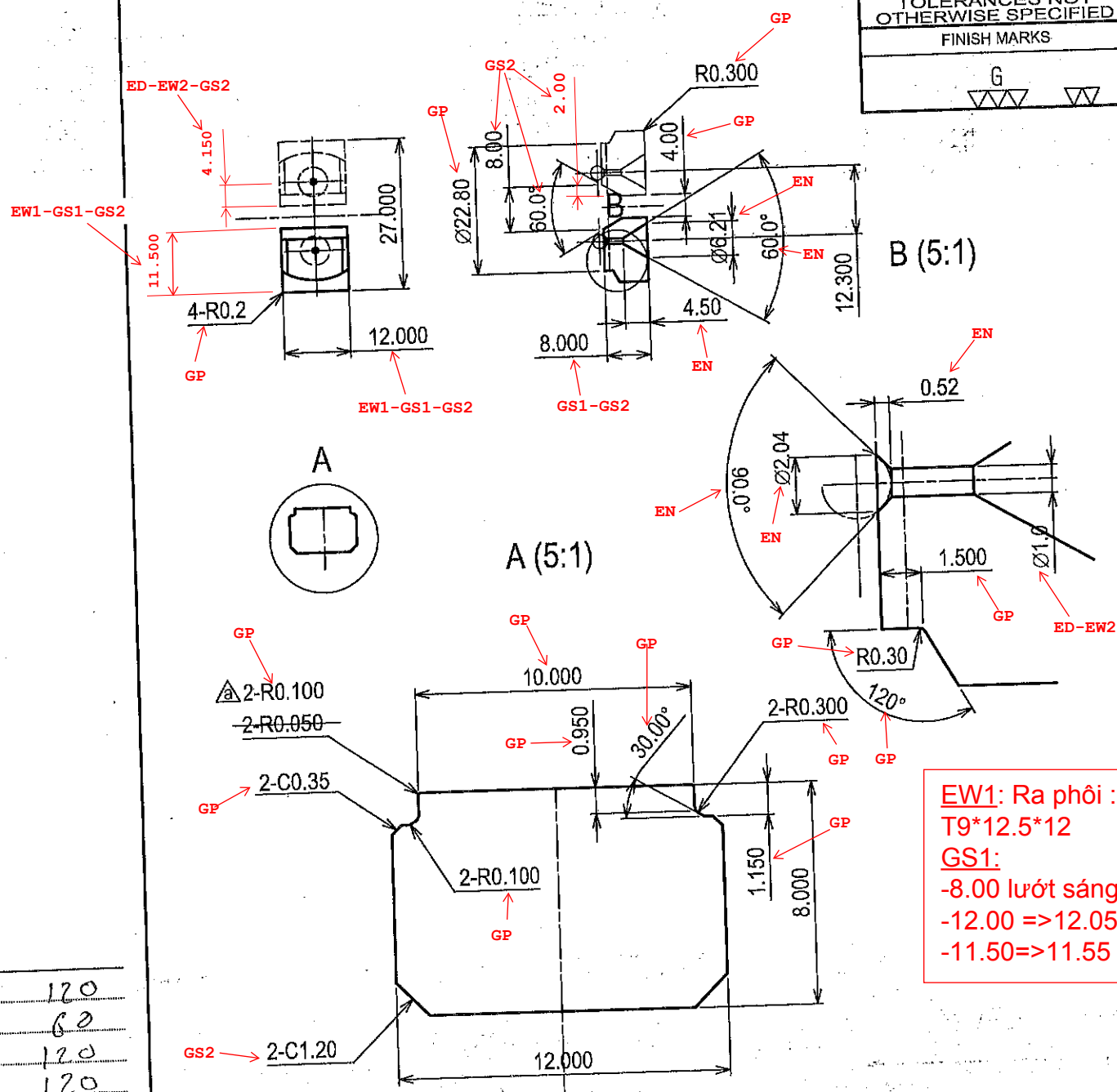
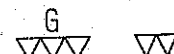
REV	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
						0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
init	2011/09/27			K.Hiromasa	Y.Takahashi	0.000	±0.005	0.000 -0	+0 -0.005
②	2012/01/16	對應加工能力不足，圖面寸法修訂	VDM-XLB-1610-018	HSU CHAN YEN	Peng Wei Chou	0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

0.0000	± 0.002	0.000 $^{+0}$	$^{+0}$ $^{-0.006}$
0.000	± 0.005	0.000 $^{-0}$	$^{+0.005}$ $^{-0}$
0.00	± 0.01	0.00 $^{+0}$	$^{+0}$ $^{-0.01}$
0.0	± 0.1	0.00 $^{-0}$	$^{+0.01}$ $^{-0}$
0.	± 0.2	0.0 $^{+0}$	$^{+0}$ $^{-0.1}$
		0.0 $^{-0}$	$^{+0.1}$ $^{-0}$

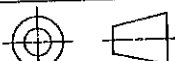
TOLERANCES NOT
OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

FINISH MARKS



EW1: Ra phôi :
T9*12.5*12
GS1:
-8.00 lượt sáng
-12.00 => 12.05
-11.50 => 11.55

DWN.		CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
K.Hiromasa	Y.Takahashi		部品図		パンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE		PART DRAWING		PUNCH	
HRC 0 ° ~ 0 °			部品図		沖頭	
			部品図		冲头	
MATERIAL	DATE	SCALE			DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2011/09/27	1:1			S847751	
MANIC MOTOR CO., LTD						

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

Tg 7 14 p 13

14 112 0507

120
60
120
120
300
500
600

SNO: **S847751**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **2 PCS**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T9*15*15	EW1:20 GS1:25 ED:15 EW2:30 GS2:45 GP:120 EN:150 KT